

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TRIỆU SƠN
TỈNH THANH HÓA**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập- Tự do- Hạnh phúc**

Bản án số: 08/2022/DS-ST

Ngày: 25- 4- 2022

Về việc: “*Tranh chấp hợp đồng
Mua bán tài sản*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRIỆU SƠN, TỈNH THANH HÓA

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Thủy

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lê Hữu Thủy và ông Hoàng Văn Hiệu

- Thư ký phiên tòa: Ông Lê Sỹ Vĩ – Thư ký Tòa án Tòa án nhân dân huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hóa.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Triệu Sơn: Bà Nguyễn Thị Thủy- Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 04 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Triệu Sơn xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự sơ thẩm thụ lý số 59/2021/TLST-DS ngày 13 tháng 10 năm 2021, về việc “Tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 06/2022/QĐST-DS ngày 24 tháng 01 năm 2022 và các quyết định hoãn phiên tòa giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Lê Thị N, sinh năm 1968.

Địa chỉ: Thôn 5, xã Thọ T, huyện Triệu S, tỉnh Thanh Hoá.

- Bị đơn: Ông Vũ Văn Đ, sinh năm 1959.

Địa chỉ : Thôn 5, xã Thọ T, huyện Triệu S, tỉnh Thanh Hóa

- Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

Anh Lương Bá T, sinh năm 1984.

Địa chỉ: Số nhà 34, Trịnh Thế L, làng Đ, phường Hàm R, thành phố T, tỉnh Thanh Hóa.

- Người làm chứng: Anh Lê Đình Đ1, sinh năm 1971

Địa chỉ: Thôn 6, xã Thọ T, huyện Triệu S, tỉnh Thanh Hóa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện và bản tự khai, cũng như tại phiên tòa, bà Lê Thị N trình bày:

Tháng 8 năm 2020 gia đình bà có nuôi được con lợn (thịt) trọng lượng khoảng gần 2 tạ khỏe mạnh không bị ốm . Khi có nhu cầu bán, biết được nhà

ông Đ có con rể tên là Lương Bá T làm nghề giết mổ lợn, nên bà có đến nhà ông Đ nói với ông Đ về nhu cầu bán lợn của mình vì bà biết ông Đ thường đi bắt lợn cho anh T. Ngày 13/8/2020 vợ chồng anh T cùng ông Đ đến nhà bà N để xem lợn, anh T có đưa ra giá 8.000.000 đồng để mua con lợn trên (trả giá dựa theo trọng lượng được dự đoán, không cân), khi nghe anh T trả giá bà không đồng ý bán, nên vợ chồng anh T và ông Đ ra về. Đến tối, sau khi bàn bạc với gia đình thì bà N đồng ý bán, bà qua nhà ông Đ thông báo với ông Đ về việc bà đồng ý bán lợn. Đến sáng ngày 14/8/2020 ông Đ có qua nhà bà N thông báo khoảng 13 giờ ông sẽ đến bắt lợn. Đến 13 giờ cùng ngày ông Đ và anh Đ (anh Đ là người chuyên chở hàng thuê) đến gia đình bà N để bắt lợn, cùng thời điểm này ông Đ cũng qua nhà ông H để bắt lợn nhà ông H (ông H là hàng xóm với bà N), ông Đ và anh Đ cùng vận chuyển 02 con lợn của bà N và ông H đi. Khi ông Đ bắt lợn, bà N có hỏi ông Đ về việc thanh toán tiền mua lợn thì ông Đ nói “Tôi mang lợn đi rồi tôi sẽ mang tiền về cho bà, bà lo cái gì”. Nghe ông Đ nói vậy vì tin tưởng ông Đ nên bà để cho ông Đ mang lợn đi mà chưa yêu cầu thanh toán tiền luôn. Bà N khẳng định bà bán lợn là bán cho ông Đ, tuy ông Đ không làm nghề giết mổ lợn, nhưng ông Đ thường xuyên đi bắt lợn về giao cho con rể là anh T, còn việc ông Đ có được hưởng lợi từ việc bắt lợn hay không thì bà N không biết, nếu ông Đ không đến bắt lợn, mà để cho anh T là con rể ông đến bắt, thì bà N sẽ yêu cầu thanh toán tiền khi nhận lợn. Đến khoảng 16 giờ cùng ngày thì được gia đình ông Đ thông báo trên đường di chuyển về nhà anh T, lợn đi đã bị chết nên phải mang con lợn quay chở lại và để bên nhà ông Đ. Sau đó con lợn được gia đình ông Đ xử lý như thế nào bà N không biết. Ông H là người cũng bán lợn cho ông Đ, thì ông H được ông Đ thanh toán tiền đầy đủ, còn đối với bà N thì từ khi bắt lợn đến nay ông Đ vẫn chưa thanh toán tiền 8.000.000 đồng cho bà N. Ngày 29/12/2020 ông Vũ Văn Đ đã viết bản cam kết do lợn bị chết nên ông Đ sẽ trả cho bà N số tiền 4.000.000đ, thời hạn trả tiền là 5 ngày kể từ ngày cam kết. Nhưng hết thời hạn trên gia đình bà đòi tiền nhiều lần ông Đ vẫn không trả. Nay bà yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Triệu Sơn buộc ông Đ phải trả cho bà số tiền mua lợn bằng 8.000.000 đồng, ngoài ra bà N không yêu cầu thêm vấn đề gì khác.

- Bị đơn là ông Vũ Văn Đ không có mặt tại phiên tòa. Quá trình giải quyết vụ án, ông Đ trình bày: Sau khi ông nghe tin bà N có con lợn bán, thì ông thông báo cho con rể là Lương Bá T lên nhà bà N để xem lợn và thỏa thuận việc mua bán. Lý do thông báo cho anh T vì anh T làm nghề giết mổ lợn nên có nhu cầu mua lợn. Sau khi được thông báo thì vợ chồng anh T có lên nhà ông sau đó ông Đ dẫn sang nhà bà N hỏi mua lợn, việc thỏa thuận giá cả, thời gian thanh toán, và hình thức thanh toán giữa anh T và bà N như thế nào ông không biết. Đến khoảng 13 giờ chiều ngày 14/8/2020 anh T có nhờ ông sang nhà bà N cùng anh Đ để bắt lợn (anh Đ là người chuyên chở hàng thuê) và đưa lợn xuống cho con anh T theo địa chỉ số 05 Trịnh Thế Lợi, làng Đông Sơn, phường Hàm Rồng, thành phố Thanh Hóa. Khi bắt lợn tại nhà bà N thì lợn đang còn sống, nhưng khi xuống đến nhà anh T thì thấy con lợn nhà bà N đã chết, vì vậy ông mang lợn quay trở về nhà ông và thông báo cho bà N biết sự việc. Tại biên bản lấy lời khai

ngày 23/11/2021 ông Đ cho rằng do lợn của bà N bị bệnh, nên ông chỉ đồng ý trả 4.000.000đ cho bà N, nhưng quá trình hòa giải ông Đ lại không đồng ý trả tiền cho bà N, vì việc mua bán lợn được thỏa thuận giữa bà N và anh T, ông không có liên quan gì.

- Tại phiên tòa anh T không có mặt. Tại biên bản lấy lời khai ngày 11/01/2022 anh Lương Bá T trình bày: Năm 2020 anh có mua của bà N 01 con lợn (việc thỏa thuận thông qua điện thoại, do bà N có nhu cầu bán nên chủ động gọi điện thoại cho anh T). Ông Đ là bố vợ anh T chỉ là người trung gian giới thiệu cho bà N liên lạc với anh T. Sau đó anh thuê xe của anh Đ để anh Đ chở lợn từ nhà bà N xuống cho anh, trước khi mua bán anh có thỏa thuận với bà N là khi giao lợn cho anh, lợn phải còn sống, nhưng khi anh Đ chở xuống nhà anh thì lợn đã bị chết rồi, nên anh T không nhận lợn và nhờ anh Đ chở lợn về trả lại cho bà N. Bà N có đòi tiền bán lợn cho anh, nhưng anh T không đồng ý vì anh không nhận lợn của bà N. Do bà N có quan hệ quen biết với gia đình ông Đ, nên anh có ý hỗ trợ cho bà N 2.000.000đ, nhưng bà N không đồng ý.

- Tại bản tự khai anh Lê Đình Đ1 trình bày: Anh được ông Vũ Văn Đ thuê đi chở lợn của bà Lê Thị N. Khi đưa lợn lên xe thì lợn của bà N vẫn còn sống, nhưng khi chở từ xã Thọ Tiến đến thành phố Thanh Hóa thì con lợn của bà N đã bị chết, khi phát hiện lợn chết thì ông Đ bảo anh chở về nhà ông Đ, sau đó ông Đ đã làm thịt con lợn đó nhưng bán không có người mua do lợn có mùi hôi, nên ông Đ cho anh Đ1 mang về cho cá ăn.

- Tại giấy báo cáo của ông Trịnh Quốc H là người bán lợn cùng thời điểm với bà N trình bày: Vào trưa ngày 14/8/2020 gia đình ông có bán cho ông Đ một con lợn mẹ với giá thỏa thuận 10.000.000đ, ông Đ và anh Đ đến gia đình ông và gia đình bà N để bắt lợn, hẹn ngày mai trả tiền. Đúng hẹn ông Đ đã đem tiền đến trả cho gia đình ông đủ số tiền 10.000.000đ (mười triệu đồng).

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Triệu Sơn tham gia phiên tòa có ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa và của những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đều đúng quy định của pháp luật và đề nghị Hội đồng xét xử: Áp dụng Điều 440 Bộ luật dân sự chấp nhận yêu cầu của bà Lê Thị N, buộc ông Vũ Văn Đ phải trả số tiền mua lợn cho bà là 8.000.000đ (tám triệu đồng); Về án phí buộc ông Đ phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, căn cứ vào lời trình bày của các đương sự. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Bà Lê Thị N khởi kiện ông Vũ Văn Đ yêu cầu phải trả số tiền 8.000.000đ là tiền mua bán lợn, đây là vụ án “ tranh chấp hợp đồng mua

bán tài sản” theo quy định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật tố tụng dân sự; Bị đơn cư trú trên địa bàn huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hóa nên vụ án thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân huyện Triệu Sơn theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Ông Vũ Văn Đ và anh Lương Bá T đã nhận được quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa, mặc dù không vì sự kiện bất khả kháng và trở ngại khách quan nào, nhưng ông Đ và anh T không đến Tòa án, không có lý do, như vậy là từ bỏ quyền của mình theo quy định tại Điều 70; Điều 72 của bộ luật tố tụng dân sự. Vì vậy căn cứ vào khoản 2, Điều 227; Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[2] Về nội dung:

Xét về nghĩa vụ của bị đơn trong quan hệ “ tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản” thì thấy:

Bà Lê Thị N yêu cầu ông Đ phải trả cho bà số tiền mua lợn của bà bằng 8.000.000đ (tám triệu đồng) là hoàn toàn có căn cứ. Vì:

Tuy ông Đ không làm nghề giết mổ lợn, nhưng ông là người là người trực tiếp đi bắt lợn về để giao cho con rể là anh T và là người trực tiếp cam kết trả tiền mua lợn. Cùng thời điểm bắt lợn nhà bà N, ông Đ cũng bắt lợn nhà ông Trịnh Quốc H, ông Đ là người trực tiếp trả đủ số tiền cho ông H.

Ông Đ là người chủ động thuê anh Đ (anh Đ làm nghề vận chuyển) đến gia đình bà Lê Thị N để vận chuyển con lợn xuống cho anh Lương Bá T ở địa chỉ: SN 05 Trịnh Thế Lợi, làng Đông Sơn, Phường Hàm Rồng, thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa. Mặt khác ông Đ cũng là người thỏa thuận với bà N về phương thức thanh toán tiền mua lợn. Khi nghe ông Đ nói với bà N “Tôi mang lợn đi rồi tôi sẽ mang tiền về cho bà, bà lo cái gì”. Nghe ông Đ nói vậy vì tin tưởng ông Đ là người cùng thôn, nên bà N đã đồng ý cho ông Đ đưa lợn đi mà không yêu cầu ông Đ phải thanh toán tiền trước khi ông nhận lợn của bà.

Ngày 14/8/2020 khi con lợn đã bị chết trên đường, sau khi thông báo cho bà N, ông Đ đã đem về nhà ông và tiến hành giết mổ lợn và đã tự ý xử lý thịt lợn.

Sau khi ông Đ bắt lợn nhà bà N, bà N đã nhiều lần yêu cầu ông thanh toán số tiền mua lợn 8.000.000đ, nhưng ông không trả. Ngày 29/12/2020 ông Vũ Văn Đ đã viết bản cam kết thừa nhận có mua 01 con lợn của bà N với số tiền 8.000.000đ. Do lợn bị chết nên ông Đ đã cam kết trả cho bà N số tiền 4.000.000đ; Thời hạn trả tiền là 5 ngày kể từ ngày cam kết. Tại biên bản lấy lời khai của Tòa án nhân dân huyện Triệu sơn, ông Đ cũng đồng ý trả cho bà N số tiền 4.000.000đ.

Việc ông Đ thỏa thuận sẽ trả số tiền 8.000.000đ sau khi mang lợn đi. Đây là tiền mua bán lợn giữa bà N và ông Đ được thỏa thuận hợp đồng bằng miệng. Như vậy theo quy định tại Điều 117 Bộ luật Dân sự, việc giao kết hợp đồng miệng giữa các bên đủ điều kiện có hiệu lực của giao dịch dân sự. Bên bán đã chuyển quyền sở hữu tài sản cho bên mua, bên mua là người đã nhận tài sản, khi nhận con lợn của bà N còn khỏe mạnh, sau khi mua và trên đường vận chuyển xuống nhà anh T thì con lợn bị chết, như vậy ông Đ phải chịu rủi ro đối

với tài sản kể từ thời điểm nhận tài sản theo quy định tại Điều 441 của Bộ luật Dân sự.

Nay bà N yêu cầu ông Vũ Văn Đ trả cho bà số tiền 8.000.000đ. Vì vậy ông Đ phải chịu trách nhiệm trả cho bà N số tiền mua lợn bằng 8.000.000đ (Tám triệu đồng).

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm: Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật. Mặc dù ông Đ đã hơn 60 tuổi, nhưng ông không có đơn yêu cầu xét miễn, giảm tiền án phí, nên không có căn cứ để miễn tiền án phí cho ông. Vì vậy ông Đ phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Trả lại cho bà N số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a, khoản 1 Điều 39; khoản 1, Điều 147; Điều 271, 273; 280; Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 117; 430; Điều 434; 440 và Điều 441; Điều 357; Điều 468 của Bộ luật dân sự; Khoản 3 Điều 24; Khoản 2 Điều 26 Nghị Quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội, điểm b, tiểu mục 1.3, mục 1 phần II, danh mục án phí ban hành kèm theo Nghị quyết.

2. Xử:

- Chấp nhận đơn khởi kiện của bà Nguyễn Thị N.

- Buộc ông Vũ Văn Đ phải có trách nhiệm trả cho bà N số tiền 8.000.000đ (tám triệu đồng).

Kể từ ngày bà N có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành án xong, hằng tháng ông Đ còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự.

3. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 của Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, và 9 của Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

4. Về án phí: Ông Vũ Văn Đ phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch số tiền là 400.000đ (bốn trăm nghìn đồng)

Trả lại số tiền tạm ứng án phí có giá ngạch 300.000đ cho bà N đã nộp theo biên lai số AA/2021/ 0006283 tại Chi cục Thi hành án huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hóa ngày 12/10/2021.

5. Về quyền kháng cáo: Án xử công khai sơ thẩm có mặt bà N, vắng mặt ông Đ và anh T. Bà N có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên

án, ông Đ và anh T có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày niêm yết bản án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Thanh Hóa
- VKS Triệu Sơn
- Các đương sự
- Thi hành án
- Lưu hồ sơ

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Thị Thủy

